TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28- 7 - 2020
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Độ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết và ông Vũ Kim Cương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Ngọc Thao. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 5 năm 2020 về việc: *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:43/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 30/2020/TBXX ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Kim A, sinh năm 1981. Có mặt

Địa chỉ: Tổ 13, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

*2. Bị đơn:*Anh Trần Ngọc L, sinh năm 1984, Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 01, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15-8-2020, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Ngọc L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 02-7-2014 tại UBND phường N, thành phố Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, nên thường xảy ra cãi, chửi, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã tự hòa giải nhưng không thành, mâu thuẫn trầm trọng nhất là từ tháng 5 năm 2019 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về nuôi con: Chị và anh Trần Ngọc L có một con chung là cháu Trần Ngọc Lan K, sinh ngày 28 - 7 - 2015. Hiện nay cháu K đang ở với chị, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Chị và anh Trần Ngọc L không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Ngọc L Tòa án đã tống đạt hợp lệ, cố tình lẩn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Ngọc L có nơi cư trú ở tổ ở tổ 01, phường Đ, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Bị đơn anh Trần Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về hôn nhân*:* Chị Phạm Thị Kim A và anh Trần Ngọc L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 02-7-2014 tại UBND phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Chị A xác định sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nên thường xảy ra cãi, chửi, xúc phạm nhau, anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có thông báo hòa giải, tống đạt hợp lệ cho anh L, nhưng anh L không đến Tòa án để giải quyết, thể hiện anh L không có thiện chí hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị A là chính đáng, có căn cứ chấp nhận. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Phạm Thị Kim A được ly hôn với anh Trần Ngọc L.

[3] Về nuôi con: Chị Phạm Thị Kim A và anh Trần Ngọc L có một con chung là cháu Trần Ngọc Lan K, sinh ngày 28 - 7 - 2015. Hiện nay cháu K đang ở với chị A và chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu K đang sống ổn định với chị A. Do đó cần giao cháu cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Anh Trần Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị A không yêu cầu).

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Phạm Thị Kim A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Kim A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trần Ngọc L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Kim A được ly hôn anh Trần Ngọc L.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Ngọc Lan K , sinh ngày 28 -7- 2015 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi, anh Trần Ngọc L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2017/0006374, ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái (chị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Kim A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được hoặc từ ngày niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- Các đương sự;
- VKSND tp Yên Bái;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- UBND p. N, tp Y;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Độ